

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29/2011/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục ngành, lĩnh vực được hưởng mức lãi suất ưu đãi
khi vay lại nguồn vốn vay ODA của Chính phủ**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ hướng dẫn về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục ngành, lĩnh vực hưởng mức lãi suất ưu đãi khi vay lại nguồn vốn vay ODA của Chính phủ (sau đây gọi là Danh mục) hướng dẫn thực hiện điểm c khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ ban hành về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ.

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2011.

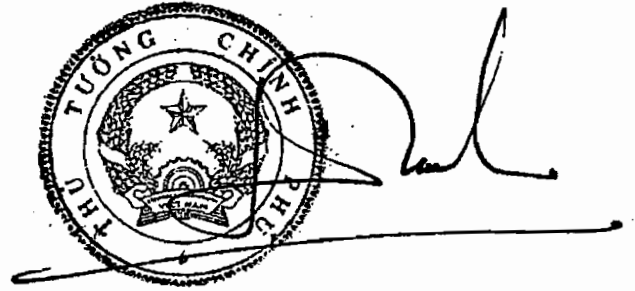
2. Các chương trình, dự án vay lại vốn ODA mà điều kiện cho vay lại đã được cấp có thẩm quyền xác định trước ngày có hiệu lực của Quyết định này thì tiếp tục áp dụng các điều kiện đã được phê duyệt. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Danh mục.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (05b).q. **290**

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



DANH MỤC

lĩnh vực hưởng mức lãi suất ưu đãi
khai vay tại nguồn vốn vay ODA của Chính phủ
Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2011/QĐ-TTg
ngày 6 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

| Số TT | Ngành nghề, lĩnh vực |
|------------|--|
| I | Kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật - xã hội (không phân biệt địa bàn đầu tư trừ mục 1) |
| 1 | Xây dựng công trình cấp nước sạch phục vụ công nghiệp và sinh hoạt đô thị (đô thị loại 2, đô thị loại 3, đô thị loại 4, trừ đô thị loại 5 thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát) |
| 2 | Dự án thu gom, xử lý chất thải rắn đô thị và chất thải rắn công nghiệp; xử lý nước thải công nghiệp |
| 3 | Xây dựng, đầu tư trang thiết bị các cơ sở y tế có khả năng hoàn vốn |
| 4 | Dự án đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục đào tạo, dạy nghề có khả năng hoàn vốn |
| 5 | Xây dựng đường sắt (trừ trường hợp chỉ vay lại phần thiết bị theo lãi suất thông thường) |
| 6 | Xây dựng đường bộ cao tốc |
| 7 | Xây dựng cảng nước sâu (trừ trường hợp chỉ vay lại phần thiết bị theo lãi suất thông thường) |
| II | Công nghiệp (không phân biệt địa bàn đầu tư) |
| 1 | Xây dựng nhà máy phát điện sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo có tác dụng bảo vệ môi trường |
| 2 | Xây dựng, lắp đặt lưới điện phân phối và truyền tải điện khu vực nông thôn |
| 3 | Xây dựng, lắp đặt hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, mạng viễn thông khu vực nông thôn |
| III | Tài chính, tín dụng |
| | Chương trình/hợp phần tín dụng thông qua các ngân hàng chính sách (Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội) hoặc các tổ chức tài chính tín dụng khác để cho vay lại cho các đối tượng thuộc diện chính sách của Chính phủ hoặc theo thiết kế đặc thù của chương trình/hợp phần tín dụng được Chính phủ phê duyệt |
| IV | Các dự án khác thuộc diện vay lại tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, tại vùng đồng bào dân tộc Khơ me sinh sống tập trung, các xã thuộc chương trình 135 và các xã biên giới thuộc chương trình 120, các xã vùng bãi ngang (không bao gồm dự án thủy điện, nhiệt điện, sản xuất xi măng, sắt thép) |